



ĐỀ NGHỊ KIỂM HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ VÀ ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ

Số tài khoản

1	2	3	C	0	0	1	5	5	7	1
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

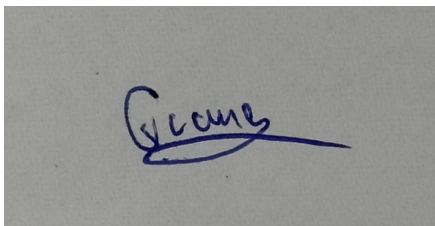
Hôm nay, ngày 3 tháng 6 năm 2025, chúng tôi gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV ("CVS")		
Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh		
Số điện thoại: 028.73038008	Fax: 028. 54141535	Website: https://cvs.vn
Giấy phép số: 105/UBCK-GP ngày 25/03/2009	Nơi cấp: UBCKNN	Ngày cấp: 25/03/2009
Thông tin người đại diện:		
Người đại diện: Nguyễn Tấn Huy		Chức vụ: Tổng Giám đốc
Số CMND/CCCD: 079088011205		Được ủy quyền theo quy định về quyền hạn ký hồ sơ mở tài khoản và đăng ký dịch vụ do CVS ban hành trong từng thời kỳ
Ngày cấp: 11/01/2022		
Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội		

KHÁCH HÀNG		
Tên khách hàng: Vĩ Phụng Quang		
Tên viết tắt:	Loại hình: ☒ Cá nhân Giới tính: ☒ Nam	
Ngày sinh/Ngày thành lập: 07/11/1999	☐ Tổ chức ☐ Nữ	
Số CCCD/CC/GCNDKDN: 079099031274	Ngày cấp: 07/11/2024	
Nơi cấp: B. CĂN AN		
Ngành nghề kinh doanh:	Mã số thuế:	Quốc tịch: VIỆT NAM
Địa chỉ thường trú/Trụ sở: 24, TÂN THÊN NH, TÂN PHÚ, TP. HỒ CHÍ MINH		
Địa chỉ liên lạc: 24, TÂN THÊN NH, TÂN PHÚ, TP. HỒ CHÍ MINH		
Điện thoại di động (*): 0938033654	Email (**): quang.vu@mservice.com.vn	
(Số điện thoại di động (*) và Email (**) được sử dụng để đăng ký các dịch vụ và giao dịch trực tuyến)		
Điện thoại cố định:	Fax:	
Người đại diện:	Chức vụ:	
Số CCCD/CC:	Ngày cấp:	Nơi cấp:
Theo văn bản ủy quyền số:	Ngày:	Số điện thoại liên lạc:

Khách hàng và CVS đồng ý ký kết Đề nghị kiểm Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở và đăng ký dịch vụ (gọi tắt là "Hợp đồng"). Khách hàng xác nhận đã được tư vấn, hiểu rõ và đồng ý với nội dung của Hợp đồng và các quy định tại Phần C - Các Điều khoản và Điều kiện của Hợp đồng. Khách hàng xác nhận đã nhận và giữ một bản Hợp đồng.

KHÁCH HÀNG



03/06/2025 02:02:09

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV



03/06/2025 02:02:09

A. KHÁCH HÀNG ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TRỰC TUYẾN VÀ CÁC DỊCH VỤ

1. Giao dịch trực tuyến qua internet, ứng dụng di động:				☒ Có	☐ Không
2. Giao dịch qua tổng đài điện thoại của CVS:				☐ Có	☒ Không
3. Dịch vụ nhận tin nhắn:				☐ Có	☒ Không
4. Đăng ký dịch vụ và tài khoản thụ hưởng					
☐ Giao dịch chứng chỉ quỹ mở, thanh toán tiền qua ngân hàng					
☒ Giao dịch chứng chỉ quỹ mở và thanh toán tiền tại CVS					
	Tài khoản nhận tiền			Tài khoản trung gian	
1	Tên chủ tài khoản	Vũ Phụng Quang		Tên chủ tài khoản	
	Số tài khoản	0938033654		Số tài khoản	
	Tại			Tại Ngân hàng	
	Tài khoản nhận tiền			Tài khoản trung gian	
2	Tên chủ tài khoản			Tên chủ tài khoản	
	Số tài khoản			Số tài khoản	
	Tại			Tại Ngân hàng	

B. KHÁCH HÀNG KHAI BÁO THÔNG TIN ĐẦU TƯ BỔ SUNG

1. Kinh nghiệm và kiến thức về đầu tư:						☐ Có	☐ Không
2. Mức độ chấp nhận rủi ro:	☐ Thấp	☐ Trung bình			☐ Cao		
3. Mục tiêu đầu tư:	☐ Thu nhập cố định	☐ Tăng trưởng dài hạn			☐ Tăng trưởng trung hạn	☐ Tăng trưởng ngắn hạn	
4. Khách hàng là công dân Hoa Kỳ hoặc đối tượng cư trú tại Hoa Kỳ hoặc đối tượng phải khai thuế tại Hoa Kỳ hoặc khách hàng có dấu hiệu nhận biết Hoa Kỳ					☐ Có	☐ Không	

C. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

I. ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CHUNG

Điều 1. Định nghĩa và giải thích từ ngữ chung

- 1.1. **SGDCK** là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ("**VNX**"), Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("**HOSE**") và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("**HNX**") hoặc các sở giao dịch chứng khoán khác được phép thành lập hợp pháp tại Việt Nam.
- 1.2. **Sự kiện bất khả kháng** có nghĩa là bất kỳ sự kiện nào sau đây, mà làm cho bất kỳ bên nào hoặc các bên không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình theo các điều khoản này, như là sự ngăn cấm hay hành động của Chính phủ hoặc cơ quan công quyền, bạo loạn, chiến tranh, chiến sự, bạo động, đình công, tranh chấp lao động khác và các ngừng trệ công việc khác, các tiện ích công cộng bị ngừng hoạt động hoặc bị cản trở, dịch bệnh, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần hoặc thiên tai khác, và các sự kiện khác vượt quá tầm kiểm soát hợp lý của các bên.
- 1.3. **TKGDCCQM** hoặc **Tài khoản chứng chỉ quỹ mở** là tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở mà khách hàng mở tại CVS để giao dịch các chứng chỉ quỹ mở mà CVS làm đại lý phân phối.
- 1.4. **TKGDCK** hoặc **Tài khoản thông thường** là tài khoản giao dịch chứng khoán thông thường mà Khách hàng mở tại CVS để giao dịch chứng khoán.
- 1.5. **VSDC**: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.
- 1.6. **UBCKNN** là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- 1.7. **Chứng khoán** là tài sản, bao gồm các loại cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền, chứng khoán phái sinh và các loại chứng khoán khác được quy định theo Luật Chứng khoán hiện hành. Chứng khoán có thể đã được niêm yết, hoặc đăng ký giao dịch hoặc chưa niêm yết (CKCNY) tại SGDCK.
- 1.8. **FATCA** là đạo luật tuân thủ thuế đối với các tài khoản ở nước ngoài của Hoa Kỳ.
- 1.9. **Đối tượng cư trú tại Hoa Kỳ** là đối tượng có thể xanh hoặc cá nhân lưu trú tại Hoa Kỳ ít nhất 31 ngày trong năm hiện tại và 183 ngày trong giai đoạn 3 năm, bao gồm năm hiện tại và 2 năm liền kề trước đó.
- 1.10. **Khách hàng có dấu hiệu nhận biết Hoa Kỳ** là người có một trong các dấu hiệu sau: nơi sinh tại Hoa Kỳ, địa chỉ nhận thư hoặc địa chỉ thường trú tại Hoa Kỳ, số điện thoại liên lạc tại Hoa Kỳ, có chỉ định định kỳ chuyển khoản vào một/các tài khoản tại Hoa Kỳ hay định kỳ nhận tiền từ một/các tài khoản mở tại Hoa Kỳ, có ủy quyền còn hiệu lực cho một đối tượng có địa chỉ tại Hoa Kỳ, có địa chỉ nhận thư hộ hoặc giữ thư tại Hoa Kỳ.

Điều 2. Cách thức đặt lệnh

Khách hàng có thể đặt lệnh giao dịch chứng chỉ quỹ mở trên TKGDCCQM qua các cách thức sau:

- 2.1. Đặt lệnh trực tiếp tại quầy giao dịch của CVS bằng cách nộp Phiếu lệnh giao dịch đã điền đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của CVS và/hoặc công ty quản lý quỹ.
- 2.2. Đặt lệnh qua các phương thức giao dịch trực tuyến đăng ký tại Mục II Phần C của Hợp đồng này.
- 2.3. Trường hợp CVS có quy định về phương thức giao dịch, giá giao dịch, chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở, cách thức thanh toán tiền mua bán chứng chỉ quỹ mở và các vấn đề khác có liên quan và đã công bố trên trang thông tin điện tử của CVS thì các quy định này sẽ được ưu tiên áp dụng.

Điều 3. Cam kết, quyền và nghĩa vụ chung của Khách hàng

- 3.1. Thừa nhận rằng, CVS đã thông báo đầy đủ về chức năng, giấy phép hoạt động, phạm vi kinh doanh, vốn điều lệ và người đại diện ký Hợp đồng của Công ty.
- 3.2. Trong trường hợp Khách hàng đồng thời mở **TKGDCK** tại CVS, Khách hàng đồng ý tài khoản nhận tiền bán Chứng chỉ quỹ mở, cổ tức chứng chỉ quỹ mở là tài khoản chứng khoán thông thường của Khách hàng tại CVS.
- 3.3. Hợp đồng này không phải là một chỉ thị mua/bán chứng chỉ quỹ cụ thể nào. Khách hàng cần thực hiện thêm các thủ tục theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ cho từng lần giao dịch và chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám Sát.
- 3.4. Cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của những thông tin do Khách hàng cung cấp cho CVS. Trong đó, Khách hàng đồng ý rằng trường hợp các thông tin (bao gồm nhưng không giới hạn thông tin về tài khoản nhận trái tức, cổ tức,...) trên các Hợp đồng, xác nhận khác như Hợp đồng mua bán CKCNY, các Hợp đồng dịch vụ khác đã ký với CVS trước ngày ký Hợp đồng này khác với thông tin tại Hợp đồng này, thì các thông tin trên Hợp đồng này sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 3.5. Có trách nhiệm cung cấp đầy đủ và đảm bảo tính trung thực, chính xác, hợp pháp và thống nhất giữa các thông tin định danh Khách hàng (bao gồm nhưng không giới hạn các yếu tố sinh trắc học) và các yếu tố, thông tin trên giấy tờ tùy thân (bao gồm nhưng không giới hạn Căn cước công dân/Căn cước) còn hiệu lực. Khách hàng chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật và miễn trừ toàn bộ trách nhiệm cho CVS đối với bất kỳ tranh chấp và/hoặc hành vi vi phạm pháp luật nào xuất phát từ việc Khách hàng cung cấp không trung thực và/hoặc không chính xác và/hoặc không thống nhất vì bất cứ lý do gì.
- 3.6. Cam kết không thuộc những đối tượng bị cấm giao dịch theo quy định của pháp luật nếu Khách hàng mở TKGDCCQM.
- 3.7. Cam kết đã và sẽ tìm hiểu, tuân thủ quy định về giao dịch chứng chỉ quỹ mở của UBCKNN, SGDCK, VSDC và các quy định khác có liên quan.
- 3.8. Thông báo cho CVS khi có thay đổi về khả năng tài chính, khả năng chịu đựng rủi ro, thông tin của Khách hàng so với nội dung đã cung cấp cho CVS. CVS được phép xem là các thông tin trên không có thay đổi nếu không nhận được thông báo thay đổi từ phía Khách hàng. CVS sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với những thiệt hại phát sinh do sự thay đổi thông tin mà Khách hàng không thông báo cho CVS.
- 3.9. Các lệnh giao dịch chứng chỉ quỹ trên TKGDCCQM là một phần không tách rời của Hợp đồng. Lệnh giao dịch trên TKGDCCQM và các tài khoản giao dịch chứng khoán khác Khách hàng mở tại CVS trong từng thời điểm được phân biệt thông qua số hiệu tài khoản. Khi ký tên vào Phiếu lệnh giao dịch chứng chỉ quỹ mở hoặc đặt lệnh giao dịch chứng chỉ quỹ mở thông qua giao dịch trực tuyến hoặc khi thực hiện các giao dịch chứng chỉ quỹ mở tại CVS; hoặc khi Khách hàng xác nhận lệnh qua các kênh giao dịch trực tuyến (email, điện thoại ghi âm, các kênh giao dịch trực tuyến do CVS quy định tại từng thời điểm), Khách hàng mặc nhiên thừa nhận đã cân nhắc kỹ lưỡng trước khi đề nghị CVS thực hiện dịch vụ cho mình và Khách hàng chấp nhận kết quả giao dịch do CVS thực hiện theo lệnh giao dịch của Khách hàng.
- 3.10. Khi ủy quyền cho người khác ký vào Phiếu lệnh giao dịch chứng chỉ quỹ mở hoặc đặt lệnh thông qua phương thức giao dịch trực tuyến hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện các giao dịch chứng chỉ quỹ mở tại CVS hoặc thực hiện giao dịch trực tuyến trên TKGDCCQM, Khách hàng mặc nhiên thừa nhận đã cân nhắc kỹ lưỡng về việc ủy quyền này và chịu trách nhiệm cuối cùng về các nghĩa vụ phát sinh do người được ủy quyền thực hiện trong phạm vi ủy quyền.
- 3.11. Thanh toán các khoản giá sử dụng các dịch vụ mà Khách hàng đã đăng ký sử dụng (bao gồm và không giới hạn giá dịch vụ giao dịch trực tuyến), giá dịch vụ chậm trả và các khoản giá dịch vụ, thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của pháp luật và thông báo của CVS. CVS có thể ấn định một hoặc nhiều khoản giá dịch vụ và công bố trên trang thông tin điện tử của CVS hoặc thông báo đến Khách hàng sử dụng dịch vụ của CVS.
- 3.12. Thường xuyên kiểm tra số dư chứng chỉ quỹ mở và sao kê giao dịch trên TKGDCCQM.
- 3.13. Thông báo kịp thời cho CVS những sai sót, nhầm lẫn trên TKGDCCQM của khách hàng, hợp tác cùng CVS hoàn trả cho chủ sở hữu những khoản ghi có và được hoàn trả những khoản ghi nợ mà không phải là của Khách hàng do sai sót hay nhầm lẫn.
- 3.14. Khi đăng ký sử dụng các dịch vụ mà CVS cung cấp qua hệ thống giao dịch trực tuyến, Khách hàng được xem như đồng ý chấp nhận các điều khoản, điều kiện sử dụng theo Mục II Phần C Hợp đồng này.
- 3.15. Đồng ý rằng, CVS có quyền sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ toàn bộ hoặc từng phần, bất kỳ các điều khoản và điều kiện nào (kể cả các loại giá

dịch vụ) liên quan đến bất kỳ dịch vụ nào do CVS cung cấp và Khách hàng mặc nhiên chấp nhận với điều kiện là CVS sẽ đưa ra thông báo về việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ đó cho Khách hàng thông qua một trong các phương thức do CVS lựa chọn như: (i) công bố trên trang thông tin điện tử của CVS; hoặc (ii) gửi văn bản; hoặc (iii) điện thoại có ghi âm; hoặc (iv) email Khách hàng đã đăng ký với CVS; hoặc (v) SMS đến số điện thoại Khách hàng đã đăng ký với CVS; hoặc (vi) thông báo trên các kênh giao dịch trực tuyến của CVS, trước khi những thay đổi hoặc bổ sung đó có hiệu lực. Việc sử dụng dịch vụ sau ngày mà các sửa đổi này có hiệu lực (theo thông báo của CVS) sẽ được xem là sự chấp nhận hoàn toàn của Khách hàng đối với các sửa đổi đó. Nếu Khách hàng không đồng ý với bất kỳ sửa đổi nào, thì Khách hàng phải thông báo cho CVS bằng văn bản về việc hủy bỏ hoặc chấm dứt sử dụng các dịch vụ với CVS và/hoặc đóng TKGDCCQM.

- 3.16. Thực hiện các quyền hợp pháp của người sở hữu chứng chỉ quỹ mở theo quy định của pháp luật và các quy định khác được áp dụng.
- 3.17. Được CVS thông báo về kết quả thực hiện các giao dịch, số dư chứng chỉ quỹ mở trong TKGDCCQM của Khách hàng định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Khách hàng. Khách hàng mặc nhiên chấp nhận các giao dịch đã phát sinh nếu Khách hàng không có ý kiến phản đối trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo.
- 3.18. Đồng ý nhận các thông tin từ CVS gửi đến email, số điện thoại, địa chỉ đã đăng ký tại CVS.
- 3.19. Đồng ý cung cấp, tiết lộ và cho phép CVS thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân của mình và/hoặc cá nhân khác có liên quan cho mục đích giao kết, thực hiện các giao dịch/dịch vụ theo thỏa thuận giữa Khách hàng và CVS. Khách hàng cam kết: (i) đã nhận được sự chấp thuận từ các cá nhân được tiết lộ dữ liệu cá nhân theo Hợp đồng này về việc tiết lộ, cung cấp dữ liệu cá nhân của họ cho CVS; (ii) Khách hàng và các cá nhân được tiết lộ dữ liệu cá nhân theo Hợp đồng này đã được tiếp cận, chấp thuận và cam kết tuân thủ các nội dung của Chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của CVS.
- 3.20. Có trách nhiệm tự xác định tình trạng FATCA của mình. Trong trường hợp Khách hàng thuộc diện phải cung cấp bộ tài liệu chứng minh FATCA, Khách hàng cam kết cung cấp các mẫu biểu được điền đầy đủ và/hoặc các tài liệu chứng minh theo yêu cầu của CVS trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày ký Hợp đồng, mẫu biểu liên quan được đăng tải tại đường dẫn <https://www.irs.gov/vi/forms-instructions> để tải mẫu biểu thích hợp (mẫu W-9 hoặc W-8BEN), khai báo thông tin, in và gửi cho CVS. Trường hợp Khách hàng không cung cấp bộ tài liệu FATCA trong thời gian quy định nêu trên cho CVS thì TKGDCCQM của Khách hàng được phân loại là tài khoản chống đối.
- 3.21. Tuân thủ các cam kết, quyền và nghĩa vụ khác nêu tại các điều khoản và điều kiện riêng đối với từng dịch vụ của CVS mà Khách hàng đăng ký sử dụng trong Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.
- 3.22. Bồi thường cho CVS theo quy định của pháp luật trong trường hợp phát sinh các thiệt hại do Khách hàng gây ra.

Điều 4. Các ủy quyền chung của Khách hàng cho CVS

- 4.1. Khách hàng đồng ý cho CVS báo cáo thông tin về các tài khoản của Khách hàng cho Sở thuế vụ Hoa Kỳ (IRS) hoặc cơ quan thuế có thẩm quyền, theo yêu cầu đối với tổ chức tài chính tuân thủ FATCA cho mục đích tuân thủ các yêu cầu về rà soát khách hàng của FATCA.
- 4.2. Các ủy quyền khác nêu tại các điều khoản và điều kiện riêng đối với từng dịch vụ của CVS mà Khách hàng đăng ký sử dụng trong Hợp đồng này.

Điều 5. Cam kết, quyền và nghĩa vụ chung của CVS

- 5.1. Trường hợp CVS phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin về giao dịch trực tuyến khác ngoài dịch vụ giao dịch trực tuyến theo Phần A và Mục II Phần C của Hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật, CVS sẽ cung cấp dịch vụ, gửi các thông tin liên quan đến TKGDCCQM của Khách hàng hoặc các thông báo khác cho Khách hàng thông qua bất kỳ hoặc toàn bộ các phương thức email, SMS, fax, thông báo trên các kênh giao dịch trực tuyến do CVS cung cấp. Việc cung cấp dịch vụ nêu tại khoản này không phải là điều kiện bắt buộc đối với CVS trong suốt thời hạn hiệu lực của Hợp đồng. CVS sẽ cung cấp dịch vụ này theo quyết định và khả năng của CVS tại từng thời điểm.
- 5.2. Hưởng giá dịch vụ đối với các dịch vụ cung cấp cho Khách hàng theo biểu giá dịch vụ công bố hoặc theo thỏa thuận với Khách hàng.
- 5.3. Trừ các trường hợp được quy định tại Hợp đồng và quy định pháp luật có liên quan, không sử dụng chứng chỉ quỹ mở của Khách hàng nếu không có yêu cầu hoặc ủy quyền của Khách hàng.
- 5.4. Thông báo kết quả giao dịch, số dư tài khoản theo yêu cầu của Khách hàng.
- 5.5. Không phụ thuộc vào việc Khách hàng thông báo cho CVS những sai sót và nhầm lẫn trên bất kỳ TKGDCCQM nào của Khách hàng theo Điều 3.13 của Hợp đồng, CVS được quyền tự động điều chỉnh các giao dịch hạch toán sai và/hoặc nhầm khi CVS có cơ sở để xác định được giao dịch hoặc việc hạch toán đó là không chính xác mà không cần được sự đồng ý trước của Khách hàng.
- 5.6. Không được chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn trừ trường hợp được quy định tại Hợp đồng.
- 5.7. Trong trường hợp CVS bị đình chỉ hoạt động, không còn đáp ứng các điều kiện để làm đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở, giải thể hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, CVS sẽ thực hiện thủ tục chuyển khoản toàn bộ chứng chỉ quỹ mở của Khách hàng sang đại lý phân phối khác theo chỉ định của Khách hàng sau khi nhận được đề nghị bằng văn bản của Khách hàng, các hồ sơ có liên quan đối với trường hợp Khách hàng đã thanh toán đầy đủ các khoản nợ, lãi, giá dịch vụ, thuế, phí, lệ phí, nghĩa vụ khác cho CVS và/hoặc CVS thực hiện các phương thức xử lý khác phù hợp quy định của Hợp đồng và pháp luật.
- 5.8. Tuân thủ các quy định, hướng dẫn của UBCKNN, quy chế của VSDC trong việc thực hiện nghiệp vụ giao dịch chứng chỉ quỹ mở và các quy định pháp luật hiện hành.
- 5.9. CVS có quyền chỉ định bất kỳ nhà cung cấp dịch vụ nào do CVS lựa chọn để thực hiện nhận biết, xác minh thông tin Khách hàng hoặc thực hiện các công việc liên quan trong quá trình mở tài khoản TKGDCCQM bằng phương thức trực tuyến mà không cần Khách hàng chấp thuận và không có nghĩa vụ thông báo cho Khách hàng dưới bất kỳ hình thức nào.
- 5.10. Trường hợp Khách hàng không tuân thủ đúng và đủ theo các hướng dẫn/yêu cầu của CVS trên các hệ thống hoặc ứng dụng giao dịch trực tuyến liên quan đến việc nhận biết, xác minh thông tin Khách hàng trong quá trình mở TKGDCCQM bằng phương thức trực tuyến hoặc CVS phát hiện có rủi ro trong quá trình Khách hàng sử dụng TKGDCCQM, CVS có quyền chủ động thực hiện các hành động CVS cho là cần thiết bao gồm nhưng không giới hạn việc từ chối cung cấp dịch vụ, phong tỏa tài khoản và/hoặc đóng TKGDCCQM trong trường hợp CVS nhận định và/hoặc có căn cứ cho rằng Khách hàng mở tài khoản không chính chủ, giấy tờ tùy thân của Khách hàng là giả mạo và/hoặc Khách hàng vi phạm các cam kết, nghĩa vụ liên quan quy định tại Hợp đồng này.
- 5.11. Các quyền và nghĩa vụ khác nêu tại các điều khoản và điều kiện riêng đối với từng dịch vụ của CVS mà Khách hàng đăng ký sử dụng trong Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Các trường hợp chấm dứt Hợp đồng

- 6.1. Hợp đồng có thể được chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - a. Hai bên thỏa thuận bằng văn bản.
 - b. Theo nhu cầu của Khách hàng bằng cách Khách hàng gửi thông báo bằng văn bản cho CVS trước ít nhất năm (05) ngày làm việc hoặc phương thức khác do CVS thông báo tại từng thời điểm với điều kiện Khách hàng đã thanh toán đầy đủ nghĩa vụ, dư nợ, giá dịch vụ, thuế, phí, lệ phí và các nghĩa vụ khác cho CVS.
 - c. CVS đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng cách thông báo (bao gồm nhưng không giới hạn bằng một trong các hình thức thông báo sau: văn bản/email/điện thoại) cho Khách hàng trước ít nhất năm (05) ngày làm việc theo quyết định của CVS tại từng thời điểm.
 - d. Khách hàng là cá nhân đã chết, mất năng lực hành vi dân sự, bị Tòa án có thẩm quyền tuyên bố chết hoặc mất tích hoặc Khách hàng là tổ chức bị giải thể, phá sản, chia tách, hợp nhất. Việc xử lý các vấn đề phát sinh từ Hợp đồng trước thời điểm xảy ra các sự kiện chấm dứt hợp đồng quy định tại khoản này được thực hiện theo quy định của pháp luật.
 - e. CVS chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.

- f. CVS có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng khi xảy ra một trong các trường hợp dưới đây sau khi có văn bản thông báo cho Khách hàng trước ngày dự kiến chấm dứt ít nhất hai (02) ngày làm việc khi:
- (i) Khách hàng thực hiện các hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
 - (ii) Khách hàng vi phạm các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng và không khắc phục khi có yêu cầu bằng văn bản của CVS.
 - (iii) Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, đóng cửa thị trường chứng khoán trong thời gian kéo dài trùng với thời gian hai bên thực hiện Hợp đồng.
 - (iv) Khách hàng cá nhân hoặc nhân viên của Khách hàng tổ chức vi phạm nội quy về trật tự, an toàn tại các điểm giao dịch và không khắc phục sau khi có nhắc nhở của CVS.
 - (v) Thuộc các trường hợp phải chấm dứt Hợp đồng theo quyết định của CVS tại từng thời điểm hoặc theo quy định của pháp luật.
- g. Các trường hợp chấm dứt khác quy định trong từng điều khoản và điều kiện riêng của các dịch vụ do CVS cung cấp (nếu có).
- 6.2. Trong mọi trường hợp, khi Hợp đồng chấm dứt, các bên cam kết hoàn tất các nghĩa vụ đã phát sinh và hỗ trợ nhau để thanh lý Hợp đồng đúng quy định của pháp luật.

Điều 7. Điều khoản khác

- 7.1. Cam kết tự nguyện ký kết. Khách hàng và CVS công nhận đã xem toàn bộ Hợp đồng này, hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này, hai bên chịu trách nhiệm trước pháp luật về các cam kết sau đây:
- a. Những thông tin của các bên trong Hợp đồng này là đúng sự thật.
 - b. Đã xem xét kỹ, hiểu rõ nội dung Hợp đồng, biết rõ về chứng chỉ quỹ mở mua/bán.
 - c. Việc ký kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc.
 - d. Khách hàng đã được CVS tư vấn, hướng dẫn và cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến cách thức giao dịch chứng chỉ quỹ mở và các dịch vụ cung cấp bởi CVS; được giải thích và/hoặc chia sẻ rõ về các rủi ro, và đồng ý chấp nhận các rủi ro đó khi ký tên vào Hợp đồng; bao gồm nhưng không giới hạn các rủi ro, thiệt hại dưới đây:
 - (i) Biến động giá chứng chỉ quỹ mở.
 - (ii) Tài khoản Khách hàng có thể bị áp dụng các biện pháp xử lý khi Khách hàng vi phạm các quy định của Hợp đồng.
 - (iii) Rủi ro phát sinh từ các giao dịch trực tuyến.
 - (iv) Các rủi ro khác có thể phát sinh trong quá trình giao dịch.
 - e. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận và cam kết đã ghi trong Hợp đồng này.
- 7.2. Mỗi bên cam kết sẽ giữ bí mật tất cả các thông tin có được từ Hợp đồng, và sẽ không tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào khác, trừ các trường hợp sau:
- a. Một bên tiết lộ thông tin khi được sự đồng ý của bên kia bằng văn bản.
 - b. CVS được phép tiết lộ thông tin của Hợp đồng này và thông tin của Khách hàng với (i) đối tác như ngân hàng, đơn vị kiểm toán hoặc bên thứ ba khi kết nối, hợp tác cung cấp dịch vụ cho CVS để CVS đảm bảo cung cấp, duy trì và cải thiện dịch vụ cho Khách hàng; hoặc (ii) đơn vị nhận Tài sản bảo đảm là tài khoản hoặc chứng chỉ quỹ mở trên tài khoản của Khách hàng từ Khách hàng và được CVS cung cấp dịch vụ phong tỏa, giải tỏa, xử lý Tài sản bảo đảm theo yêu cầu phong tỏa của Khách hàng.
 - c. Một bên phải tiết lộ thông tin theo quy định của pháp luật hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quy định về bảo mật tại Điều này vẫn tiếp tục có hiệu lực sau khi Hợp đồng chấm dứt hiệu lực.
- 7.3. Một bên không được phép chuyển nhượng cho bất kỳ người nào khác mà không có sự đồng ý bằng văn bản của bên kia. CVS được phép chuyển giao Hợp đồng này cho bên thứ ba do quá trình hợp nhất, sáp nhập, hoặc các trường hợp khác mà không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của Khách hàng sau khi có thông báo bằng văn bản cho Khách hàng mà không cần phải được sự chấp thuận của Khách hàng.
- 7.4. Trường hợp do có sự thay đổi về pháp luật làm cho một hoặc một số điều khoản của Hợp đồng trở thành vô hiệu, thì các phần còn lại vẫn có giá trị pháp lý, hai bên cam kết nghiêm chỉnh tiếp tục thực hiện.
- 7.5. Hợp đồng được hiểu và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam ("VIAC") theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm này. Địa điểm giải quyết tranh chấp là Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng trong tổ tụng trọng tài là tiếng Việt. Số lượng trọng tài viên giải quyết tranh chấp là ba (03) người. Chi phí tổ tụng sẽ do Bên thua kiện chịu. Phán quyết của trọng tài có giá trị chung thẩm và ràng buộc trách nhiệm Các Bên.
- 7.6. Đồng tiền được áp dụng trong thanh toán và Giao dịch chứng chỉ quỹ mở quy định tại Hợp đồng này là Đồng Việt Nam (VNĐ).
- 7.7. Hợp đồng chỉ được sửa đổi, bổ sung bằng văn bản khi có ký kết hoặc xác nhận của các bên trong Hợp đồng, trừ các trường hợp được phép sửa đổi, bổ sung theo thông báo của CVS được quy định cụ thể tại Hợp đồng. Các sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.
- 7.8. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, có giá trị thay thế các hợp đồng mở tài khoản giữa CVS và Khách hàng đã ký trước ngày của Hợp đồng này kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực.

II. ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG CHO DỊCH VỤ GIAO DỊCH TRỰC TUYẾN VÀ CÁC DỊCH VỤ KHÁC

Điều 8. Định nghĩa thuật ngữ

- 8.1 **Giao dịch trực tuyến** là các giao dịch liên quan đến chứng chỉ quỹ mở, tiền gửi, lệnh, thông tin Khách hàng, đăng ký dịch vụ trên TKGDCCQM mà các giao dịch đó (i) được thực hiện phù hợp với các dịch vụ do CVS cung cấp; và (ii) thông qua các phương tiện trực tuyến, bao gồm nhưng không giới hạn bởi điện thoại, fax, internet, tin nhắn SMS, email, và các phương tiện trực tuyến khác.
- 8.2 **Dịch vụ giao dịch trực tuyến** là các dịch vụ do CVS cung cấp cho Khách hàng tại từng thời điểm để Khách hàng thực hiện các Giao dịch trực tuyến.
- 8.3 **Dịch vụ nhận tin nhắn SMS** là dịch vụ do CVS cung cấp cho Khách hàng tại từng thời điểm để Khách hàng nhận các tin nhắn liên quan đến thông tin TKGDCCQM, thông tin về các sản phẩm, tính năng ... đối với Khách hàng có đăng ký sử dụng dịch vụ này.
- 8.4 **Hệ thống** là hệ thống do CVS thiết lập để thực hiện các Giao dịch trực tuyến bao gồm các chương trình phần mềm, tiện ích, ứng dụng được cài đặt tại địa chỉ tên miền con của tên miền chính <https://cvs.vn> (cụ thể do CVS thông báo) hoặc hệ thống điện thoại, máy tính bảng, fax, email, của CVS.
- 8.5 **Tài khoản đăng nhập** là tài khoản do CVS cung cấp cho Khách hàng khi sử dụng dịch vụ giao dịch trực tuyến.
- 8.6 **Mật khẩu đăng nhập** là mật khẩu để xác định Khách hàng khi truy cập vào Hệ thống.
- 8.7 **Mật khẩu giao dịch** là mật khẩu được sử dụng để Khách hàng xác nhận trước khi thực hiện một Giao dịch trực tuyến. Mật khẩu giao dịch tồn tại theo hai hình thức:
- a. **Mật khẩu SMS OTP**: là phương pháp xác thực Khách hàng dùng Mật khẩu giao dịch một lần (OTP: one-time-password) nhận bằng phương thức gửi SMS điện thoại Khách hàng đăng ký tại CVS để Khách hàng thực hiện các giao dịch trực tuyến, chỉ có hiệu lực duy nhất đối với một giao dịch tại một thời điểm nhất định của một Khách hàng cụ thể, và sẽ tự động hủy trong một thời gian xác định.
 - b. **Mật khẩu SMART OTP**: là phương pháp xác thực Khách hàng dùng Mật khẩu giao dịch sử dụng một lần (OTP: one-time-password) nhận bằng phương thức Khách hàng sử dụng phần mềm SMART OTP để Khách hàng thực hiện các giao dịch trực tuyến, chỉ có hiệu lực duy nhất đối với

một giao dịch tại một thời điểm nhất định của một Khách hàng cụ thể và sẽ tự động hủy trong một thời gian xác định.

- 8.8 **Chứng từ trực tuyến** là các thông tin liên quan đến việc thực hiện các yêu cầu giao dịch tiền và chứng chỉ quỹ mở của Khách hàng được tạo ra, gửi đi, nhận và lưu trữ khi sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến.

Điều 9. Sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến

- 9.1 Bảng việc đăng ký Dịch vụ giao dịch trực tuyến và các dịch vụ khác tại Phần B của Hợp đồng này, Khách hàng đề nghị CVS và CVS đồng ý cung cấp các Dịch vụ giao dịch trực tuyến và các Dịch vụ giao dịch trực tuyến này sẽ đương nhiên có hiệu lực áp dụng đối với TKGDCCQM mà Khách hàng mở tại CVS.
- 9.2 CVS sẽ quy định và/hoặc điều chỉnh nội dung cụ thể của dịch vụ mà CVS cho là hợp lý tại từng thời điểm và công bố rộng rãi các nội dung này trên trang thông tin điện tử của CVS.
- 9.3 Khách hàng được quyền đăng ký sử dụng các Dịch vụ giao dịch trực tuyến và các dịch vụ khác mà CVS đang cung cấp hoặc sẽ cung cấp trong tương lai theo các hình thức mà CVS quy định tại từng thời điểm. Sau khi đăng ký thành công, Khách hàng có quyền sử dụng các dịch vụ này và mặc nhiên chấp nhận các điều khoản, điều kiện ràng buộc được quy định cho dịch vụ Khách hàng đã đăng ký.
- 9.4 Việc cung cấp Dịch vụ giao dịch trực tuyến của CVS và việc sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến của Khách hàng được ràng buộc bởi các điều khoản của Hợp đồng này, các cam kết liên quan mà Khách hàng đã ký kết với CVS và/hoặc các điều kiện, cách thức, quy định giao dịch cụ thể được CVS hướng dẫn, thông báo trực tiếp cho Khách hàng hoặc trên trang thông tin điện tử của CVS.

Điều 10. Các rủi ro phát sinh từ giao dịch trực tuyến

Việc sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến luôn tồn tại những rủi ro tiềm tàng do lỗi của Hệ thống hoặc của bất kỳ bên thứ ba nào khác. Khách hàng cam kết chấp nhận mọi rủi ro, mất mát hoặc thiệt hại nào khác phát sinh khi sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến do lỗi hệ thống, lỗi của bất kỳ bên thứ ba hoặc do các hành động, thao tác của Khách hàng ảnh hưởng đến việc sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến, bao gồm nhưng không giới hạn những rủi ro dưới đây:

- 10.1 Lỗi kỹ thuật phát sinh từ hệ thống phần cứng, phần mềm.
- 10.2 Đường truyền kết nối từ CVS đến VSDC và/hoặc các công ty quản lý quỹ bị đứt kết nối do các nguyên nhân từ phía nhà cung cấp.
- 10.3 Các nguyên nhân do Sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến hệ thống như: thiên tai, động đất ảnh hưởng đến hệ thống phần cứng.
- 10.4 Nguy cơ ngưng trệ hoạt động của hệ thống mạng do tắc nghẽn đường truyền (trong nước và quốc tế).
- 10.5 Các máy tính có thể bị nhiễm virus hoặc bị tấn công mạng làm ngưng trệ các hoạt động trao đổi thông tin trong mạng máy tính.
- 10.6 Lỗi phần mềm cơ sở hạ tầng như: hệ điều hành, phần mềm ảo hóa do nguyên nhân từ phía nhà sản xuất.
- 10.7 Lệnh giao dịch có thể bị treo, bị ngừng, bị trì hoãn, hoặc có lỗi dữ liệu.
- 10.8 Việc nhận dạng các tổ chức hoặc nhà đầu tư có thể bị nhầm, sai sót.
- 10.9 Bảng giá chứng khoán và các thông tin chứng khoán khác có thể có lỗi hoặc sai lệch hoặc cũng có thể có độ trễ từ vì những nguyên nhân khách quan.
- 10.10 Các tin tức, thông tin doanh nghiệp được đăng tải trên trang thông tin điện tử của CVS, hay các hệ thống giao dịch trực tuyến của CVS được trích dẫn từ nguồn các SGDCK và từ đơn vị cung cấp tin tức chính thức cho CVS.
- 10.11 Những rủi ro có thể xảy ra của các phương thức xác thực đặt lệnh cho nhà đầu tư.

Điều 11. Thời gian cung cấp dịch vụ

- 11.1 CVS sẽ cung cấp Dịch vụ giao dịch trực tuyến liên tục.
- 11.2 Thời gian cung cấp Dịch vụ giao dịch trực tuyến liên quan đến giao dịch mua/bán/hủy chứng chỉ quỹ mở được thực hiện theo quy định của VSDC và các công ty quản lý quỹ tại từng thời điểm.
- 11.3 Thời gian ngưng cung cấp Dịch vụ giao dịch trực tuyến do bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp Hệ thống hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ được CVS thông báo trước bằng một trong các phương thức sau: (i) đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của CVS hoặc (ii) gửi email, (iii) gửi SMS hoặc (iv) thông báo trên các kênh giao dịch trực tuyến khác của CVS.

Điều 12. Đăng ký, thay đổi phương thức xác thực

- 12.1 Điều kiện đăng ký sử dụng SMS OTP
- Khách hàng đăng ký sử dụng phương thức xác thực SMS OTP với CVS theo quy định của CVS tại từng thời điểm.
 - Khách hàng có thiết bị di động kết nối mạng viễn thông theo quy định của CVS tại từng thời điểm.
- 12.2 Điều kiện đăng ký sử dụng SMART OTP
- Khách hàng có thiết bị di động (điện thoại thông minh) sử dụng hệ điều hành theo quy định của CVS trong từng thời điểm.
 - Hoàn tất tải ứng dụng do CVS cung cấp về điện thoại, đồng ý Điều khoản và Điều kiện này, cài đặt và kích hoạt ứng dụng do CVS cung cấp bằng mã hóa kích hoạt được CVS gửi tới số điện thoại của Khách hàng và tạo mặt khẩu. Chi tiết các bước cài đặt, kích hoạt được thực hiện theo hướng dẫn của CVS tại từng thời điểm.
- 12.3 Khách hàng được phép đăng ký SMART OTP trên thiết bị IOS, Android. Tại cùng một thời điểm, Khách hàng chỉ được đăng ký SMART OTP trên một thiết bị duy nhất. Trường hợp Khách hàng đăng ký SMART OTP trên thiết bị khác (thiết bị mới) ngoài thiết bị Khách hàng đã đăng ký sử dụng SMART OTP (thiết bị cũ), thiết bị cũ sẽ bị hủy đăng ký SMART OTP tự động kể từ thời điểm Khách hàng đăng ký SMART OTP thành công trên thiết bị mới.
- 12.4 Khách hàng có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho CVS và thực hiện theo đúng hướng dẫn của CVS trong trường hợp sau:
- Khách hàng bị mất thiết bị đăng ký sử dụng SMART OTP.
 - Khách hàng phát hiện bất kỳ một vấn đề nào hay các sự cố về mặt nghiệp vụ hoặc kỹ thuật liên quan đến sự an toàn trong quá trình đăng ký và sử dụng SMART OTP.
- 12.5 Việc đăng ký/thay đổi đăng ký sử dụng SMART OTP của Khách hàng được CVS thực hiện theo yêu cầu của Khách hàng hoặc do Khách hàng trực tiếp thực hiện ứng dụng do CVS cung cấp hoặc qua các kênh khác theo quy định của CVS tại từng thời điểm.

Điều 13. Trách nhiệm bảo mật

- 13.1 Trách nhiệm bảo mật của Khách hàng:
- Bảo mật Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu giao dịch và thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết ở mức độ cao nhất nhằm phòng chống việc sử dụng trái phép Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu giao dịch. Khách hàng không được cung cấp Tên đăng nhập, Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu giao dịch cho người khác.
 - Trường hợp bị lộ hoặc quên Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu giao dịch; thiết bị xác thực bị mất cắp, thất lạc hoặc không sử dụng được, Khách hàng phải liên hệ ngay với CVS và thực hiện theo chỉ dẫn của CVS. CVS sẽ không chịu bất kỳ hậu quả trực tiếp hay gián tiếp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến việc Khách hàng cung cấp, làm lộ hoặc quên Tên đăng nhập, Mật khẩu, thiết bị xác thực bị mất cắp, thất lạc.
- 13.2 Trách nhiệm bảo mật của CVS:
- Bảo mật và lưu giữ thông tin của Khách hàng (Tài khoản đăng nhập/Mật khẩu đăng nhập, thông tin giao dịch và tất cả các thông tin khác của Khách hàng) trừ trường hợp phải cung cấp các thông tin này cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- b. Hỗ trợ Khách hàng khôi phục thông tin đăng nhập khi Khách hàng yêu cầu.

Điều 14. Cam kết của khách hàng

- 14.1 Cam kết đã đọc kỹ, hiểu rõ và tuân thủ đúng những hướng dẫn sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến do CVS cung cấp trực tiếp cho Khách hàng hoặc công bố rộng rãi trên trang thông tin điện tử của CVS. CVS không chịu bất kỳ trách nhiệm đối với những Giao dịch trực tuyến không thực hiện được với bất kỳ lý do gì hay bất cứ thiệt hại nào xảy ra khi Khách hàng không thực hiện đúng những hướng dẫn của CVS.
- 14.2 Các chứng từ trực tuyến được Khách hàng khởi tạo và/hoặc xác nhận và gửi có chữ ký điện tử và các xác nhận của Khách hàng được gửi từ các địa chỉ đăng ký tại Hợp đồng (email, điện thoại, fax) có giá trị pháp lý như các yêu cầu của Khách hàng gửi trực tiếp và hợp lệ tại quầy giao dịch của CVS (phiếu lệnh, yêu cầu chuyển khoản, các yêu cầu khác liên quan đến TKGDCQCM của Khách hàng cũng như việc đăng ký và sử dụng dịch vụ tại CVS).
- 14.3 Đồng ý rằng bất cứ hành động truy cập/giao dịch nào vào/trên TKGDCQCM của Khách hàng bằng tên truy cập với đúng Mật khẩu đăng nhập và Mật khẩu giao dịch hoặc các yếu tố định danh khác do CVS cung cấp cho Khách hàng đều được coi là Khách hàng truy cập.
- 14.4 Cung cấp đầy đủ/đăng ký các thông tin liên quan đến Khách hàng và kịp thời thông báo cho CVS khi có sự thay đổi các thông tin đó, chịu trách nhiệm với thông tin cung cấp. Việc thay đổi chỉ có hiệu lực sau khi Khách hàng đã nhận được xác nhận bằng văn bản của CVS.
- 14.5 Chấp nhận rằng mọi trao đổi gửi đến hoặc gửi từ địa chỉ email, điện thoại, fax hoặc phương tiện trực tuyến khác mà Khách hàng đã đăng ký cho CVS mặc nhiên được hiểu là được gửi đến hoặc gửi từ Khách hàng, có giá trị tương đương Chữ ký điện tử.
- 14.6 Thanh toán đầy đủ Giá dịch vụ, thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo quy định của CVS đã được Hướng dẫn công khai tại từng thời điểm.
- 14.7 Ý thức và đồng ý những rủi ro có thể phát sinh từ Giao dịch trực tuyến đã được đề cập tại Điều 10 của Hợp đồng và Bản công bố rủi ro mà CVS đã cung cấp cho Khách hàng hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của CVS.
- 14.8 Chịu trách nhiệm áp dụng mọi biện pháp hợp lý nhằm đảm bảo an toàn, đảm bảo tính tương thích cho các loại máy móc, thiết bị kết nối, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng,...do Khách hàng sử dụng khi kết nối, truy cập vào Hệ thống nhằm kiểm soát, phòng ngừa và ngăn chặn việc sử dụng hoặc truy cập trái phép Dịch vụ giao dịch trực tuyến.
- 14.9 Khách hàng đồng ý rằng không có bất kỳ giới hạn về số lượng và thời gian nhận thông tin từ CVS theo các hình thức nhận thông tin do Khách hàng đăng ký.

Điều 15. Cam kết của CVS

- 15.1 CVS không có bất kỳ cam kết, đảm bảo hoặc ưu tiên chuyển tiếp, thực hiện thành công các Giao dịch trực tuyến của bất kỳ Khách hàng nào khi sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến.
- 15.2 Đối với các Giao dịch trực tuyến mà CVS trong khả năng kiểm soát của mình nhận thấy có dấu hiệu khả nghi, bất thường hoặc không hợp lệ, CVS có thể từ chối thực hiện hoặc phải xác minh, kiểm tra lại trước khi thực hiện.
- 15.3 Quản lý thông tin liên quan đến việc thực hiện giao dịch của Khách hàng theo đúng quy định pháp luật.
- 15.4 Cung cấp, hướng dẫn và hỗ trợ cho Khách hàng sử dụng các Dịch vụ giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến, công khai các biểu giá áp dụng.
- 15.5 Thông báo trước cho Khách hàng trong trường hợp ngưng, tạm ngưng, thay đổi/chỉnh sửa/thay thế cung cấp một phần hoặc toàn bộ Dịch vụ giao dịch trực tuyến, thay đổi các điều khoản áp dụng khi đăng ký giao dịch trực tuyến cho phù hợp với quy định pháp luật.
- 15.6 Hướng dẫn và hỗ trợ các vấn đề kỹ thuật phát sinh khi Khách hàng sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến. Thường xuyên cập nhật các phiên bản mới của Hệ thống cho Khách hàng (nếu có).
- 15.7 Lưu trữ các Chứng từ trực tuyến liên quan đến việc thực hiện Giao dịch trực tuyến của Khách hàng theo đúng các quy định của pháp luật và đảm bảo rằng các bằng chứng này có thể truy cập và sử dụng để tham chiếu khi cần thiết.
- 15.8 Thực hiện ngay việc thông báo trên trang thông tin điện tử của CVS và thông báo tại các điểm nhận lệnh, đại lý, chi nhánh và trụ sở CVS và nỗ lực tối đa trong thời gian sớm nhất để khắc phục sự cố khi xảy ra lỗi đường truyền hoặc lỗi hệ thống dẫn đến Giao dịch trực tuyến không thể thực hiện được để Khách hàng kịp thời tiến hành giao dịch chứng chỉ quỹ mở thông qua nhân viên phân phối của CVS.
- 15.9 Bồi thường thiệt hại cho Khách hàng theo quy định của pháp luật trong trường hợp phát sinh các thiệt hại do lỗi của CVS gây ra trên cơ sở thương lượng ngoại trừ các lỗi hệ thống.

Điều 16. Miễn trừ trách nhiệm

- 16.1 CVS không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ sai sót hoặc thiệt hại nào phát sinh do:
- Khách hàng cung cấp thông tin chậm trễ, thiếu sót hay không chính xác dẫn đến không sử dụng được Dịch vụ giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến.
 - Lỗi của bất kỳ bên thứ ba nào, bao gồm cả những đối tác của CVS trong việc cung cấp Dịch vụ giao dịch trực tuyến.
 - Lỗi của Hệ thống hay bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào liên quan, kể cả trường hợp Hệ thống từ chối thực hiện Giao dịch trực tuyến của Khách hàng vì bất kỳ lý do nào.
 - CVS thực hiện chậm trễ hay không thể thực hiện được trách nhiệm của mình theo đúng các điều khoản và quy định sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến này do có sự trục trặc về máy móc, xử lý dữ liệu, thông tin viễn thông, thiên tai hay bất kỳ sự việc nào ngoài sự kiểm soát của CVS hay do hậu quả của sự gian lận, giả mạo của bất kỳ bên thứ ba nào.
 - Việc sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến hoặc tiếp cận các thông tin mà Dịch vụ giao dịch trực tuyến cung ứng của những người được Khách hàng ủy quyền.
 - Việc Khách hàng để lộ tên truy cập, Mật khẩu đăng nhập, Mật khẩu giao dịch, chữ ký điện tử và/hoặc các yếu tố định danh khác mà CVS cung cấp dẫn đến người khác dùng những thông tin này để sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến hoặc tiếp cận những thông tin mà Dịch vụ giao dịch trực tuyến cung ứng.
- 16.2 Hai bên không chịu trách nhiệm bất kỳ sai sót, một phần hay toàn bộ các điều khoản được nêu tại đây khi xảy ra Sự kiện bất khả kháng.

Điều 17. Chấm dứt và sửa đổi

- 17.1 Chấm dứt cung cấp dịch vụ khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
- Một trong các trường hợp chấm dứt theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng này.
 - Theo yêu cầu của Khách hàng sau khi Khách hàng đã thanh toán đầy đủ dư nợ (nếu có) cho CVS hoặc khi Hợp đồng mở TKGDCQCM chấm dứt.
- 17.2 CVS bảo lưu quyền được sửa đổi, bổ sung Giá Dịch vụ, Dịch vụ giao dịch trực tuyến cụ thể, hoặc ngừng cung cấp một phần hoặc toàn bộ bất kỳ dịch vụ nào vào bất kỳ thời điểm nào mà không cần phải có sự đồng ý trước của Khách hàng. CVS sẽ thông báo các sửa đổi, bổ sung, ngừng cung cấp dịch vụ nêu trên và các thông tin liên quan khác công khai tại quầy giao dịch, trang thông tin điện tử của CVS hoặc gửi qua địa chỉ email mà Khách hàng đã đăng ký với CVS. CVS không chịu trách nhiệm trong trường hợp Khách hàng không nhận được thông tin do:
- Email của Khách hàng không nhận được thư vì bất cứ lý do gì.
 - Khách hàng thay đổi địa chỉ email mà không thông báo với CVS.

Điều 18. Điều khoản khác

- 18.1 Việc Khách hàng đăng ký và sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến không làm miễn trừ quyền và nghĩa vụ của Khách hàng được quy định tại các Phụ lục, Hợp đồng và cam kết liên quan mà Khách hàng đã ký kết với CVS và/hoặc các điều kiện quy định về cách thức giao dịch cụ thể mà CVS đã hướng dẫn hoặc được thông báo công khai cho Khách hàng.
- 18.2 Việc đăng ký sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến không loại trừ quyền của Khách hàng được thực hiện giao dịch chứng khoán qua hình thức sử dụng các dịch vụ khác mà Khách hàng đã đăng ký với CVS.
- 18.3 Khách hàng cần thực hiện kiểm tra trực tiếp, thường xuyên theo dõi số dư và diễn biến TKGDCCQM và kịp thời phản ánh cho CVS những sai sót phát sinh (nếu có) trong quá trình sử dụng Dịch vụ giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến.